

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ANH S
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 74 /2021/ST-HNGĐ

Ngày 24 tháng 9 năm 2021

“ V/v Yêu cầu ly hôn ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ANH S – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Phú

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân, ông Phạm Minh Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Aon, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh N tham gia phiên tòa: **Bà Ngô Thị Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Aon, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST – HNGĐ ngày 26/4/2021 về việc “Yêu cầu ly hôn”, giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T – Sinh năm: 1995

HKTT: Thôn 6 (Nay là thôn 3), xã T, huyện A, tỉnh N

Tạm trú tại: thôn C, xã Đ, huyện A, tỉnh N– Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình S – Sinh năm: 1988

HKTT: Thôn 6 (Nay là thôn 3), xã T, huyện A, tỉnh N

Tạm trú tại: thôn C, xã Đ, huyện A, tỉnh N– Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Chị T và anh S kết hôn với nhau vào năm 2014, và T hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bên nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng là do tính cách 02 người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau. Đến tháng 11/2020 vì cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Đình P – Sinh ngày 11/11/2015; Cháu Nguyễn Đình T – Sinh ngày 04/10/2017. Trường hợp ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và đề nghị anh S nuôi dưỡng cháu P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đình S trình bày:

Về tình cảm: Anh S và chị T kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh N. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có chuyện gì xảy ra. Tuy nhiên đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau, đặc biệt là thường mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Mặc dù gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng không có gì T triển. Đến khoảng tháng 11/2020 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị T sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn anh thì anh không đồng ý vì hiện tại các con đang còn nhỏ, đang cần tình cảm của bố mẹ, anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Đình P – Sinh ngày 11/11/2015; Cháu Nguyễn Đình T – Sinh ngày 04/10/2017. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh S có nguyện vọng được nuôi cả hai con, vì các con hiện đang còn nhỏ anh S không muốn tách các con ra. Anh S không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A P biểu ý kiến về vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về điều luật áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Đình S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình P – Sinh ngày 11/11/2015 cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Đình T – Sinh ngày 04/10/2017 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh S.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Nguyễn Đình S đăng ký HKTT tại thôn 6

(nay là thôn 3), xã T, huyện A, tỉnh N và đang tạm trú tại Thôn C, xã Đ, huyện A, tỉnh N. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đình Đ kết hôn với nhau năm 2014 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh N. Hôn nhân hợp lệ theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng rất nặng nề, thường xuyên xảy ra cãi vã không tôn trọng nhau, chị T và anh S đã sống ly thân và từ đó mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Giữa chị T và anh S không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa.

Xét tình cảm giữa chị T và anh S thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu T là phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung: Cháu Nguyễn Đình P – Sinh ngày 11/11/2015; Cháu Nguyễn Đình T – Sinh ngày 04/10/2017. Trường hợp ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T và đề nghị giao cháu P cho anh S nuôi dưỡng. Anh S đề nghị được nuôi cả hai con vì theo anh S các con hiện đang còn nhỏ nên anh S không muốn tách các con ra. Chị T và anh S đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị T và anh S là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên xét thấy cháu T hiện đang còn nhỏ và đang sống với chị T, do đó cần phải tiếp tục giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng. Cháu P là con đầu và hiện đang sống với anh S, nên việc giao cháu P cho anh S nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh S.

Về tài sản chung: Chị T, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu T

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình P – Sinh ngày 11/11/2015 cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Đình T – Sinh ngày 04/10/2017 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh S.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002005 ngày 26/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh N).

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND Anh S;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Phú

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Quang Tân

Phạm Minh Sơn

Phan Văn Phú

